

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2024/DS-ST

Ngày: 17 - 7 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thọ
2. Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 347/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T ; trụ sở: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ngân hàng TMCP Việt Nam T : Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng B - Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh khách hàng Miền Bắc - Khối quản trị rủi ro. Theo văn bản uỷ quyền số 62/2023/UQN-CTQT ngày 02 tháng 8 năm 2023 của chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam T . Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà Việt Hải, 78 Dịch Vọng Hậu, Cầu giấy, Hà Nội. Uỷ quyền lại: anh Nguyễn Anh T - Trưởng bộ phận xử lý nợ; anh Nguyễn Hữu H - Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản uỷ quyền số 2750/2023/UQ-KHCN ngày 14/11/2023). Địa chỉ liên hệ: 278 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Đ ; nơi cư trú: 48 Châu Thượng Văn, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

2.2. Bà Nguyễn Thị T ; nơi cư trú: 48 Châu Thượng Văn, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị T : ông Nguyễn Văn Đ (Văn bản uỷ quyền số 0179 ngày 15/01/2024 tại Văn phòng công chứng Trần Minh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2023; quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP Việt Nam T trình bày:

Ngân hàng TMCP Việt Nam T (sau đây viết tắt là ngân hàng) ký Hợp đồng vay vốn với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay số: LN2210117045581 kí ngày 13/10/2022. Số tiền vay: 250.000.000 đồng. Thời hạn vay: 84 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; Mục đích sử dụng vốn vay: mua 01 sơ mi rơ mooc nhãn hiệu KAILE, số loại AKL9405TWY mới 100% để phục vụ mục đích kinh doanh. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 12,25%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của ngân hàng thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/10/2022. Loại thẻ: MC2. Số tiền cho vay: 12.500.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do ngân hàng quy định qua từng thời kỳ. Lãi suất quá

hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả bằng việc ký Hợp đồng cho vay nói trên ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T xác nhận đồng ý chấp nhận các điều khoản và điều kiện tại “Điều Kiện Giao Dịch Chung” về cho vay và thế chấp xe ô tô áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay từng lần, giải ngân một lần tại ngân hàng để mua xe ô tô và khoản vay được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm là xe ô tô của chính khách hàng. “Điều Kiện Giao Dịch Chung” bao gồm những điều khoản ổn định do ngân hàng niêm yết công khai tại trụ sở và trên website <http://www.vpbank.com.vn>. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: 01 sơ mi rơ mooc nhãn KAILE; Số loại AKL9405TWY; số khung LF59DGD3XN0P02125, biển kiểm soát 77R-041.63. Theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc do phòng CSGT tỉnh tỉnh Bình Định cấp ngày 12/10/2022 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Chi tiết Hợp đồng thế chấp số: LN2210117045581 kí ngày 13/10/2022 giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T với ngân hàng. Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/07/2023 đối với ngân hàng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký. Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tạm tính đến ngày 01/11/2023 khoản tiền này là: Nợ gốc: 229.167.928 đồng; Nợ lãi + phí phạt: 13.708.501 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng: 1.171.191 đồng. Tổng cộng: 244.047.620 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi bốn triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi đồng). Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu lãi suất theo Hợp đồng cho vay đã ký cho đến ngày ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T thực tế thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng; phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ nếu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, cụ thể như sau: 01 sơ mi rơ mooc nhãn KAILE; Số loại AKL9405TWY; Số máy: L15ZC2005735, số khung LF59DGD3XN0P02125, biển kiểm soát 77R-041.63 theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc do phòng CSGT tỉnh tỉnh Bình Định cấp ngày 12/10/2022 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Chi tiết Hợp đồng thế chấp số: LN2210117045581

kí ngày 13/10/2022 giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T với ngân hàng. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày :

Ông bà thống nhất với trình bày của ngân hàng về các Hợp đồng vay vốn , số tiền vay, mục đích vay và tài sản đảm bảo thế chấp cho ngân hàng. Nay ngân hàng yêu cầu ông bà trả số tiền nợ gốc, lãi tiền phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 01/11/2023 là: 244.047.620 đồng. Trong đó nợ gốc: 229.167.928 đồng; Nợ lãi + Phí phạt: 13.708.501 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng: 1.171.191 đồng, ông bà thống nhất số nợ trên không có ý kiến gì. Hiện nay ông bà gặp khó khăn về kinh tế nên yêu cầu ngân hàng xem xét giãn nợ và tạo điều kiện thanh toán dần cho ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đ , bà T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 17/7/2024 tổng cộng là 273.348.775 đồng, trong đó dư nợ gốc là nợ gốc: 229.167.928 đồng; nợ lãi: 40.647.898 đồng, phí phạt chậm trả: 1.870.949 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng: 1.662.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ; trong trường hợp ông Đ , bà T không trả được nợ thì yêu cầu Tòa buộc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2210117045581 kí ngày 13/10/2022 để thu hồi nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền còn nợ tính đến ngày 17/7/2024 tổng cộng là **tổng cộng là** 273.348.775 đồng, trong đó dư nợ gốc là nợ gốc: 229.167.928 đồng; nợ lãi: 40.647.898 đồng, phí phạt chậm trả: 1.870.949 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng: 1.662.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: LN2210117045581 kí ngày 13/10/2022 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm

bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/10/2022 kể từ ngày 18/7/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản là xe 01 sơ mi rơ mooc nhãn KAILE; số loại AKL9405TWY; số máy: L15ZC2005735; số khung LF59DGD3XN0P02125, biển kiểm soát 77R-041.63. Theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc do phòng CSGT tỉnh tỉnh Bình Định cấp ngày 12/10/2022 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 1296314.A.18.HĐTC.BDH ký ngày 26/06/2018 đã ký với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T để thu hồi toàn bộ số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ vay của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý, giải quyết vụ án Dân sự về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn: ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn và đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngân hàng TMCP Việt Nam T (sau đây viết tắt là ngân hàng) cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số: LN2210117045581 kí ngày 13/10/2022 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/10/2022. Các bên có xác lập hợp đồng thế chấp: LN2210117045581 kí ngày 13/10/2022 để bảo đảm khoản nợ vay. Quá trình giao kết các hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ đúng quy định pháp luật về hình thức và nội dung theo đúng quy định tại các điều 117, 179 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng.

[2.2] Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ, bà T nhận đủ số tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ và bà T đã thực hiện không đúng theo thỏa thuận về nghĩa

vụ thanh toán gốc, lãi vay theo Hợp đồng nên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Xét yêu cầu của ngân hàng đòi ông Đ , bà T phải thanh toán tính đến ngày 17/7/2024 tổng cộng là 273.348.775 đồng, trong đó dư nợ gốc là nợ gốc: 229.167.928 đồng; nợ lãi: 40.647.898 đồng, phí phạt chậm trả: 1.870.949 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng: 1.662.000 đồng và lãi phạt phát sinh đến khi thanh toán hết nợ là đúng với nội dung thỏa thuận được các bên giao kết tại Hợp đồng vay nêu trên. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ngân hàng về nghĩa vụ thanh toán của ông Đ và bà T như trên và toàn bộ lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

[2.3] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ngân hàng: Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp số LN2210117045581 kí ngày 13/10/2022 là 01 sơ mi rơ mooc nhãn KAILE; Số loại AKL9405TWY; Số máy: L15ZC2005735, số khung LF59DGD3XN0P02125, biển kiểm soát 77R-041.63. Theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc do phòng CSGT tỉnh tỉnh Bình Định cấp ngày 12/10/2022 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T . Hợp đồng thế chấp này được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, có hiệu lực thi hành nên yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản bảo đảm trên đúng theo quy định tại các điều tại khoản 1 Điều 299 và Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã tạm ứng. Theo Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đ , bà T phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng.

[5] Án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ các điều 144, 147 Bộ luật Dân sự; Điều 3, Điều 7 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí có giá ngạch đối với do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận 13.667.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326.

- Ngân hàng TMCP Việt Nam T được Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 117, 179, 299, 303, 317, 318, 320, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ các điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 7, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền còn nợ tính đến ngày 17/7/2024 tổng cộng là **tổng cộng là 273.348.775 đồng**, trong đó dư nợ gốc là nợ gốc: 229.167.928 đồng; nợ lãi: 40.647.898 đồng, phí phạt chậm trả: 1.870.949 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng: 1.662.000 đồng.

1.2. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: LN2210117045581 kí ngày 13/10/2022 và giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/10/2022 kể từ ngày 18/7/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc.

1.3. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản là xe 01 sơ mi rơ mooc nhãn KAILE; số loại AKL9405TWY; số máy: L15ZC2005735; số khung LF59DGD3XN0P02125, biển kiểm soát 77R-041.63. Theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc do phòng CSGT tỉnh Bình Định cấp ngày 12/10/2022 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 1296314.A.18.HĐTC.BDH ký ngày 26/06/2018 đã ký với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T để thu hồi toàn bộ số nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T 3.000.000 đồng.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm :

3.1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu 13.667.000 đồng.

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tiền tạm ứng án phí 6.101.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn theo biên lai số 0000268 ngày 15 tháng 5 năm 2023.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Phương Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Đình Thọ Nguyễn Cảnh Liêm

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Phương Thảo

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *VKSND Tp. Quy Nhơn;*
- *CQ THA DS Tp. Quy Nhơn;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2021

Tại: trụ sở TAND TP. Quy Nhơn, Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Ông Phạm Ngọc Đông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 58/2021/TLST-DS ngày 15/3/2021 về việc “Tranh chấp về hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Phương, sinh năm: 1972

Cư trú: 46 Lương Định Của, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

2. *Bị đơn*: Chị Dương Thị Hoa (tên thường gọi Hòa), sinh 1979

Cư trú: 372/11 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Hà Thúc Ninh, sinh năm 1977

Cư trú: 372/11 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, TP. Quy Nhơn, Bình Định

Anh Ninh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Về căn cứ pháp luật :

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình; Các điều 15, 16, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ qui định về họ, hui, biêu, phùng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. (Biểu quyết 3/3- 100%)

+ Về nội dung :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương đòi chị Dương Thị Hoa (tên thường gọi là Hòa) và anh Hà Thúc Ninh trả tiền nợ góp hui. (Biểu quyết 3/3- 100%)

2. Buộc Dương Thị Hoa (tên thường gọi là Hòa) và anh Hà Thúc Ninh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Phương số tiền nợ góp hui 355.800.000đ. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận tự nguyện của chị Trần Thị Phương không yêu cầu tính lãi số tiền nợ góp hụi. (Biểu quyết 3/3- 100%)

- Bác lời nại của anh Hà Thúc Ninh không đồng ý trả nợ góp hụi cho chị Trần Thị Phương và chị Dương Thị Hoa (tên thường gọi là Hòa) cho rằng nợ tiền góp hụi là nợ cá nhân chị không liên quan anh Hà Thúc Ninh xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ bắt đầu từ tháng 12/2021 cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn. (Biểu quyết 3/3- 100%)

3.Về án phí DSST:

Chị Dương Thị Hoa (tên thường gọi là Hòa) và anh Hà Thúc Ninh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.790.000đ. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Hoàn lại cho chị Trần Thị Phương số tiền tạm ứng án phí 8.895.000đ đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0003535 ngày 15/3/2021 của Cơ quan thi hành án Dân sự TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Hợp Phạm Ngọc Đông

Cao Thị Phương Thảo

